TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT
Ngày 08-7-2021
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Lương Thị Hải Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đào Thị Huệ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLPT- DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp về chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Số nhà 2/278 đường Đà Nẵng, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thúy Hằng và ông Nguyễn Hữu T; đều trú tại: Số 102, lô 14 đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (theo hợp đồng ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân); bà Hằng có mặt, ông T vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ Vũ Thị Bé; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Quang; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Minh; nơi cư trú: Số 4 đường Hải Triều, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Tú; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Lộc; nơi cư trú: Số 120 lô 3 Thái Phiên, phường Cầu Tre, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bình; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn Quang, các bà Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Lộc và Nguyễn Thị Bình: Ông Lã Viết Nam; trú tại: Số 65 Lương Khánh Thiện, quận NQ, thành phố Hải Phòng (theo các hợp đồng ủy quyền ngày 15 và ngày 20 tháng 10 năm 2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân); có mặt.

+ Bà Phùng Thị Ninh; nơi cư trú: Thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Ninh: Bà Lê Thị Thúy Hằng và ông Nguyễn Hữu T; đều trú tại: Số 102, lô 14 đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2021); bà Hằng có mặt, ông T vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn; cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn Quang, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Lộc là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T có bố mẹ đẻ là cụ Nguyễn Văn Độ, sinh năm 1926 và cụ Vũ Thị Bé, sinh năm 1926. Cụ Độ, cụ Bé sinh được 07 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Quang, ông Nguyễn Văn T1, các bà Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Lộc, Nguyễn Thị Bình và ông là Nguyễn Văn T. Ngoài những người con trên cụ Độ, cụ Bé không còn người con nào khác, không có con riêng, con nuôi. Cụ Vũ Thị Bé hiện vẫn còn sống, cụ Nguyễn Văn Độ chết ngày 09 tháng 11 năm 1978, khi chết không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống cụ Nguyễn Văn Độ và cụ Vũ Thị Bé có diện tích đất 635m^2 tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng, diện tích đất trên có nguồn gốc là của ông cha để lại. Ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Phùng Thị Ninh là người

quản lý, sử dụng diện tích đất này và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016. Do trong gia đình có mâu thuẫn nên cụ Bé đã khởi kiện ông T1, bà Ninh đòi lại phần T1 sản của cụ trong khối T1 sản chung với cụ Độ và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T1, bà Ninh đối với diện tích đất trên. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06 ngày 11 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chấp nhận yêu cầu của cụ Bé, buộc vợ chồng ông T1 phải trả lại cho cụ Bé 310m^2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T1. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành.

Diện tích đất còn lại là 325m^2 (theo kết quả đo vẽ là 331,1m^2) tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ Độ để lại chưa chia, hiện nay vợ chồng ông T1 đang tạm quản lý. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là diện tích đất 331,1m^2 của cụ Độ để lại cho các hàng thừa kế. Về cách chia ông đề nghị cắt cho ông Nguyễn Văn Quang phần đất phía ngoài từ đầu đường vào trong có chiều rộng là 1,5m, chiều dài đến sân trước cửa nhà ông T1; toàn bộ phần ngõ đi và phần sân phía trước cửa nhà ông T1 để làm diện tích sử dụng chung, diện tích đất còn lại sẽ chia một phần mà trên đất có nhà chính cho ông T1, phần diện tích đất có nhà dưới, công trình phụ chia cho những người còn lại. Các bên có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị đất và T1 sản trên đất cho nhau. Phần của ông được nhận ông tự nguyện cho em gái là bà Nguyễn Thị Lộc.

- Tại các bản tự khai và biên bản ghi lời khai bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về họ tên, năm sinh, năm mất của cụ Độ; họ tên, năm sinh của cụ Bé và các con của cụ Độ, cụ Bé. Ngoài những người con trên cụ Độ, cụ Bé không còn người con nào khác, không có con riêng, con nuôi. Khi cụ Độ chết không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống, cụ Nguyễn Văn Độ và cụ Vũ Thị Bé có diện tích đất 635m^2 tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất trên là của ông cha để lại. Năm 1978 cụ Nguyễn Văn Độ chết, cụ Bé vẫn sinh sống trên mảnh đất này. Năm 1989, anh chị em trong gia đình đã động viên vợ chồng ông về ở cùng với mẹ, chăm sóc mẹ và thờ cúng tổ tiên, ông bà. Quá trình sinh sống, vợ chồng ông đã phải bỏ nhiều công sức, tiền của để tôn tạo, giữ gìn thửa đất. Do đất của bố mẹ ông nằm sâu bên trong, chỉ có ngõ rộng khoảng 1,5m từ đường đi vào, vì vậy ông có đổi một phần đất phía trong của gia đình cho vợ chồng bà Vũ Thị Vần và ông Nguyễn Văn Hiển là hàng xóm liền kề để lấy một phần đất phía ngoài của bà Vần, ông Hiển, đồng thời có mua thêm một phần đất của ông Hiển, bà Vần để mở rộng đất mặt ngõ rộng hơn 8m vừa làm ngõ đi và lấy đất xây quán kinh doanh như hiện nay. Vào năm 2013-2014, được sự đồng ý của anh em trong gia đình, vợ chồng ông đã tu sửa và xây dựng lại nhà cửa và các công trình trên đất

khang trang như hiện nay. Ngày 21 tháng 11 năm 2014, ông T đã mời các anh em trong gia đình cùng với cụ Bé và ông Thảo trưởng thôn tiến hành họp gia đình và thống nhất giao toàn bộ đất cho ông và ông có trách nhiệm của người sử dụng đất với địa phương. Ngày 04 tháng 02 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện AL đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên cho ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Phùng Thị Ninh. Sau khi vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa mẹ và các anh chị em trong gia đình ông bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn và có tranh chấp. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 11 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử buộc vợ chồng ông phải trả lại cho mẹ ông là cụ Vũ Thị Bé diện tích đất 310m^2 tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng, đồng thời tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện AL đã cấp cho vợ chồng ông.

Diện tích đất 325m^2 còn lại tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng ông thừa nhận đây là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Độ để lại, hiện nay vợ chồng ông vẫn đang quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước. Về yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, ông T1 không đồng ý với lý do: Bố ông đã mất cách đây 40 năm, năm 2014 tất cả các anh em trong gia đình và mẹ ông đã họp có biên bản giao toàn bộ di sản của bố ông để lại cho ông quản lý, sử dụng. Như vậy, các hàng thừa kế đã đồng ý tặng cho phần di sản của họ được hưởng cho ông T1 nên căn cứ vào Án lệ số 24/2018/AL ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về di sản thừa kế chuyển thành T1 sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân thì diện tích đất 325m^2 trên là của ông T1 nên các đồng thừa kế không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn Quang, các bà Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Lộc, Nguyễn Thị Bình và người đại diện theo ủy quyền: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Độ theo quy định của pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được nhận phần di sản của mình bằng hiện vật là diện tích đất. Riêng phần di sản thừa kế mà cụ Bé, bà Minh, bà Bình, bà Tú được nhận thì cụ Bé và các bà tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị Lộc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Ninh và người đại diện theo ủy quyền của bà Ninh: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, đề nghị Tòa án không chia di sản thừa kế, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện AL đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 611, 612, 613, 618, 620, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Độ.

2. Cụ thể việc chia di sản thừa kế như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh được quản lý, sử dụng diện tích đất là 331,1m^2 (ba trăm ba mươi mốt phẩy một mét vuông) nằm tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng, diện tích đất bao gồm các điểm như sau: 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,15,16,17,1.

Trên đất có T1 sản gồm: Nhà số 01 (lán quán) có diện tích 39,2m^2(ba mươi chín phẩy hai mét vuông), nhà số 02 có diện tích 124,5m^2(một trăm hai mươi tư phẩy năm mét vuông), nhà số 03 (nhà bếp và nhà vệ sinh) có diện tích 31,5m^2 (ba mươi mốt phẩy năm mét vuông), 01 bể nước có diện tích 1,62m^2 (một phẩy sáu mươi hai mét vuông), 01 bể nước có diện tích 09m^2(chín mét vuông), 01 lán lợp tôn cột sắt có diện tích 28,5m^2 (hai mươi tám phẩy năm mét vuông), 01 sân lát gách có diện tích 92m^2 (chín mươi hai mét vuông).

- Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Quang số tiền 115.880.000đ (một trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T, cụ Vũ Thị Bé, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Lộc mỗi người 115.880.000đ (một trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng). Do ông Nguyễn Văn T, cụ Vũ Thị Bé, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Bình đã tặng phần T1 sản của mình được hưởng cho bà Lộc nên bà Nguyễn Thị Lộc được nhận tổng số tiền 695.280.000đ (sáu trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 4 năm 2021, ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn; cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn Quang, bà Nguyễn Thị Minh, bà

Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Lộc là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao cho ông Nguyễn Văn Quang được quản lý, sử dụng đối với diện tích đất ông Quang được hưởng; giao cho bà Nguyễn Thị Lộc được quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất bà Lộc được hưởng và phần di sản thừa kế của cụ Bé, bà Minh, bà Bình, bà Tú và ông T; xem xét tính công sức cho cụ Bé và xem xét lại việc tính công sức 30% cho vợ chồng ông T1 là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính công sức cho cụ Bé trong khối T1 sản chung; Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho vợ chồng ông T1 30% là không phù hợp; đề nghị chia đất theo hướng cắt cho ông Nguyễn Văn Quang phần đất phía ngoài từ đầu đường vào trong có chiều rộng là 1,5m, chiều dài đến sân trước cửa nhà ông T1; toàn bộ phần ngõ đi và phần sân phía trước cửa nhà ông T1 để làm diện tích ngõ đi chung, diện tích đất còn lại sẽ chia một phần mà trên đất có nhà chính cho ông T1, phần diện tích đất có nhà dưới, công trình phụ chia cho những người còn lại và các anh chị em thống nhất để lại cho bà Lộc sử dụng vì bà Lộc hiện tại không có nhà, đang nuôi con tàn tật.

Đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Ninh có quan điểm không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì: Ông T1 về ở với cụ Bé và sinh sống ở trên diện tích đất này hơn 30 năm, có công chăm sóc cụ và tôn tạo diện tích đất, làm tăng giá trị đất; việc chia đất như yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm phá vỡ công trình trên đất và lãng phí giá trị phần đất mặt đường; nếu chia ngõ đi chung sẽ xảy ra mâu thuẫn; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Từ năm 1989 cụ Bé và các anh chị em trong gia đình đã động viên ông T1 về ở trên đất để chăm sóc mẹ và thờ cúng tổ tiên. Vợ chồng ông T1 ở trên đất từ đó đến nay, có công sức giữ gìn, tôn tạo, đóng thuế đối với diện tích đất. Vợ chồng ông T1 đã đổi đất cho gia đình ông Hiển, bà Vân để mở rộng phần diện tích đất phía ngoài làm tăng giá trị của thửa đất. Vợ chồng ông T1 có một phần công chăm sóc mẹ. Do đó cần tính công sức giữ gìn, tôn tạo, đóng thuế cho vợ chồng ông T1 bằng 02 suất thừa kế, diện tích 331,3m^2 chia làm 10 phần, vợ

chồng ông T1 được hưởng 02 phần là 66,3m^2 làm tròn 70m^2; các thừa kế còn lại là cụ Bé, ông Quang, ông T, bà Lộc, bà Tú, bà Bình, bà Minh, ông T1 mỗi người được 33,13m^2. Do cụ Bé, ông T, bà Tú, bà Bình, bà Minh nhường phần của mình cho bà Lộc nên bà Lộc sẽ được tổng cộng là 198,78m^2. Về công sức giữ gìn tôn tạo của cụ Bé: Năm 1989 khi vợ chồng ông T1 về ở cùng cụ Bé thì cụ đã cao tuổi, vợ chồng ông T1 là người chăm sóc mẹ, quản lý nhà cửa, đất đai và thờ cúng tổ tiên; cụ Bé đã được chia 310m^2 đất là đã đảm bảo quyền lợi cho cụ Bé, nên Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức giữ gìn tôn tạo cho cụ Bé là có căn cứ. Việc chia thửa đất bằng hiện vật như theo yêu cầu của nguyên đơn sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công trình, việc sử dụng chung diện tích ngõ là nguy cơ tiềm ẩn mâu thuẫn sau này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa Bản án sơ thẩm phần công sức giữ gìn, tôn tạo đối với vợ chồng ông T1, bà Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Vũ thị Bé, bà Nguyễn Thị Tú vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 228, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2] Về nguồn gốc đất: Diện tích đất 635m2 tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc cụ Độ và cụ Bé. Cụ Độ chết năm 1978 không để lại di chúc. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chia cho cụ Vũ Thị Bé 310m^2 trong khối T1 sản chung với cụ Nguyễn Văn Độ, đồng thời tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện AL đã cấp cho vợ chồng ông T1. Vì vậy, diện tích đất còn lại là 325m^2 (đo thực tế là 331,1m^2). Tòa án cấp sơ thẩm xác định là di sản

thừa kế của cụ Nguyễn Văn Độ để lại và phân chia theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[3] Về việc phân chia di sản thừa kế:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị chia di sản của cụ Độ bằng hiện vật là diện tích đất cụ thể: Đề nghị cắt cho ông Nguyễn Văn Quang phần đất phía ngoài từ đầu đường vào trong có chiều rộng là 1,5m, chiều dài đến sân trước cửa nhà ông T1; toàn bộ phần ngõ đi và phần sân phía trước cửa nhà ông T1 để làm diện tích ngõ đi chung, diện tích đất còn lại sẽ chia một phần mà trên đất có nhà chính cho ông T1, phần diện tích đất có nhà dưới, công trình phụ chia cho những người còn lại. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy: Thửa đất trên không vuông vắn, có nhiều góc cạnh, phần diện tích đất phía ngoài có chiều ngang phần rộng nhất là 4,5m, chỗ hẹp nhất là hơn 3m, nếu chia 1,5m chiều ngang cho ông Quang và để lại khoảng 3m làm lối đi chung sẽ làm giảm giá trị của thửa đất. Thực tế, ông Quang và gia đình đã có nhà và đất ở rộng rãi, phía giáp phần đất ông Quang đề nghị nhận thì ông Quang đã xây nhà thờ và tường bao kiên cố. Tại phiên tòa ông Quang yêu cầu đòi lại một phần diện tích đất phía trước ông đã gộp vào đất của cụ Bé trước đây, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì phần diện tích đất theo yêu cầu của ông Quang trước đây ông Quang đã đổi cho cụ Bé để lấy phần diện tích đất phía sau, tại cấp sơ thẩm ông không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3.2] Vợ chồng ông T1 đã sinh sống ổn định ở trên diện tích đất này hơn 30 năm nay, quá trình sử dụng đã đổi đất cho gia đình ông Hiển, bà Vần để mở rộng phần diện tích đất mặt đường, làm tăng giá trị thửa đất. Vợ chồng ông đã xây dựng các công trình kiên cố trên đất: Phần diện tích đất phía ngoài vợ chồng ông đã xây dựng lán quán, phần diện tích đất phía sau xây dựng nhà, công trình phụ; hiện vợ chồng ông T1 vẫn đang quản lý, sử dụng và kinh doanh trên phần diện tích đất này. Mặt khác, đây là tranh chấp trong nội bộ gia đình, hiện tại các bên đương sự đã có sự mâu thuẫn; tại phiên tòa ông T cũng trình bày, cụ Bé không đồng ý để các con mở ngõ đi chung với cụ Bé vì sợ có mâu thuẫn xảy ra. Như vậy, nếu để phần diện tích đất làm ngõ đi chung sẽ không đảm bảo được sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, dễ xảy ra xô sát và sẽ khó khăn cho việc thi hành án sau này.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Bà Lộc hiện tại không có chỗ ở, hiện chăm sóc con tàn tật nên đề nghị xem xét chia bằng đất và các anh chị em giao phần đất của mình cho bà Lộc sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp sơ thẩm các đương sự đều có ý kiến đã có chỗ ở ổn định, có chia thì cũng không ở. Tại phiên tòa bà Lộc trình bày trước đây bà có nhà ở và mới bán để mua nhà khác nhưng chưa đủ tiền mua nhà nên bà muốn nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, nếu chia cho ông T1, bà Lộc bằng giá trị hay bằng hiện vật thì bên còn lại phải thanh toán giá trị T1 sản tương đương.

Việc bà Lộc nhận di sản bằng giá trị đã đảm bảo để bà tạo lập chỗ ở mới. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ phần diện tích đất cho bị đơn quản lý sử dụng và bị đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ.

[3] Về công sức giữ gìn, tôn tạo diện tích đất của vợ chồng ông T1: Năm 1978 vợ chồng ông T1 về ở với cụ Bé để chăm sóc cụ và có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Quá trình ở trên đất, vợ chồng ông T1 đã đổi một phần diện tích đất cho gia đình ông Hiển, bà Vần để mở rộng phần diện tích đất phía ngoài là mặt đường, làm tăng giá trị của thửa đất. Vợ chồng ông T1 có một phần công chăm sóc cụ Bé, trông coi, tôn tạo, giữ gìn và đóng thuế đất từ thời điểm đó đến nay. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức giữ gìn, tôn tạo diện tích đất cho vợ chồng ông T1 là có căn cứ. Tuy nhiên, việc vợ chồng ông T1 được giao quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là đã được bảo đảm quyền lợi, do đó chỉ cần tính công sức cho vợ chồng ông T1 tương ứng với 70m^2 đất là phù hợp. Phần diện tích đất còn lại 261,1m^2 chia đều cho 08 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng phần diện tích là 32,63m^2 tương ứng 130.520.000đ (một trăm ba mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Lộc được nhận phần di sản của cụ Vũ Thị Bé, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Văn T nên bà Lộc được nhận phần giá trị là 130.520.000đ x 6 = 783.120.000đ (bảy trăm tám ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Về yêu cầu tính công sức cho cụ Bé: Từ năm 1989 khi vợ chồng ông T1 về ở cùng với cụ Bé thì cụ đã cao tuổi, vợ chồng ông T1 là người chăm nom, giữ gìn, tôn tạo và đóng thuế diện tích đất trên; vợ chồng ông cũng có một phần công chăm sóc cụ Bé. Mặt khác, cụ Bé đã được chia 310m^2 đất trong phần diện tích đất chung của cụ Độ và cụ Bé. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức giữ gìn, tôn tạo diện tích đất cho cụ Bé là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa Bản án sơ thẩm về phần công sức tôn tạo, giữ gìn đất của vợ chồng ông T1, bà Ninh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 611, 612, 613, 618, 620, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Độ.

2. Cụ thể việc chia di sản thừa kế như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh được quản lý, sử dụng diện tích đất là 331,1m^2 (ba trăm ba mươi mốt phẩy một mét vuông) nằm tại thửa đất số 75b, tờ bản đồ 220-C-II, địa chỉ tại thôn Lai Thượng, xã Tân Dân, huyện AL, thành phố Hải Phòng, diện tích đất bao gồm các điểm như sau: 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,15,16,17,1.

Trên đất có T1 sản gồm: Nhà số 01 (lán quán) có diện tích 39,2m^2(ba mươi chín phẩy hai mét vuông), nhà số 02 có diện tích 124,5m^2(một trăm hai mươi tư phẩy năm mét vuông), nhà số 03 (nhà bếp và nhà vệ sinh) có diện tích 31,5m^2 (ba mươi mốt phẩy năm mét vuông), 01 bể nước có diện tích 1,62m^2 (một phẩy sáu mươi hai mét vuông), 01 bể nước có diện tích 09m^2(chín mét vuông), 01 lán lợp tôn cột sắt có diện tích 28,5m^2 (hai mươi tám phẩy năm mét vuông), 01 sân lát gách có diện tích 92m^2 (chín mươi hai mét vuông).

(Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Quang số tiền 130.520.000đ (một trăm ba mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phùng Thị Ninh phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T, cụ Vũ Thị Bé, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Lộc mỗi người 130.520.000đ (một trăm ba mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). Do ông Nguyễn Văn T, cụ Vũ Thị Bé, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú, bà Nguyễn Thị Bình đã tặng phần T1 sản của mình được hưởng cho bà Lộc nên bà Nguyễn Thị Lộc được nhận tổng số tiền 783.120.000đ (bảy trăm tám ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Quang, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Lộc phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.052.000đ (mười ba triệu, không trăm năm hai nghìn đồng)

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Cụ Vũ Thị Bé, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Quang, bà Nguyễn Thị Minh, bà Nguyễn Thị Tú được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Lộc không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả cho bà Lộc 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0019251 ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện AL;
- Chi cục THADS huyện AL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà